

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2020/HNGĐ-ST;
Ngày: 27/02/2020;
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Mai Lưu Quốc Đạt;

2/ Ông Nguyễn Hoa Kiều;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXX-ST ngày 10/02/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Nguyễn Văn A – sinh năm: 1980;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn:** Nguyễn Thị Út B - sinh năm: 1984;

HKTT: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: ấp Q, xã K, huyện P, Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn anh Nguyễn Văn A trình bày:**

Về tình cảm: Anh và chị Nguyễn Thị Út B cưới nhau vào năm 2012 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 26/04/2012. Cuộc sống chung của vợ chồng anh rất hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến nên cuộc sống chung thường gây gổ, cự cãi. Anh và chị B đã sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị B.

Về con chung: Có hai con chung, các cháu tên Nguyễn Ngọc C - sinh ngày 23/01/2013 và Nguyễn Minh D, sinh ngày 14/06/2014. Hiện cháu C đang sống với chị B, cháu D đang sống với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu chị B cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Út B trình bày:

Về tình cảm: Chị thống nhất với nội dung trình bày của anh A về thời gian, và điều kiện kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh A bạo hành chị về thể xác lẫn tinh thần. Nay thấy tình cảm không còn nên anh A xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Có hai con chung như anh A trình bày. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu C và cháu D để anh A tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh A cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Về nội dung xét thấy việc anh A và chị B thuận tình ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về con chung xét thấy, cháu D đang sống ổn định với anh A, cháu C đang sống ổn định với chị B đồng thời cháu C có nguyện vọng sống với chị B nên yêu cầu của chị B là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Văn A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Út B, giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh A, Tòa xét thấy: Tại phiên tòa anh A trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về cách sống, cách nghĩ và thường xuyên cự cãi nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc vì vậy nay anh A xin ly hôn với chị B. Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh A, chị B đồng ý. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Tòa án ghi nhận.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu C đang sống ổn định với chị B, do đó việc chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu C là có cơ sở và phù hợp với nguyện vọng của cháu C nên Tòa án chấp nhận. Đối với cháu D đang sống ổn định với anh A, do đó việc anh A yêu cầu nuôi cháu D là có cơ sở nên Tòa án chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị khai không có nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Anh A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Út B.

Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Út B.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 23/01/2013 cho chị Nguyễn Thị Út B được tiếp tục nuôi dưỡng.

Giao cháu Nguyễn Minh D, sinh ngày 14/6/2014 cho anh Nguyễn Văn A được tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Út B được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Án phí: Anh Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003338 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, như vậy anh A đã thi hành xong.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy